

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 1043/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Chị **Vy Thị H**, sinh năm 1995;

Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ tạm trú: Tổ D, khu phố E, phường F, thành phố G, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh **Trương Minh H1**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vy Thị H và anh Trương Minh H1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là cháu Trương Đình K, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2014. Khi ly hôn, giao cháu K cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị H tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh H1 xác định không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Chị H và anh H1 xác định không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị H và anh H1 nộp theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vy Thị H và anh Trương Minh H1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trương Đình K, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2014 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị H tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các điều 7, 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Chị H và anh H1 xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H và anh H1 xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Minh H1 và chị Vy Thị H nộp 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002135

ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa.
Chị H và anh H1 đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Nơi ĐKKH (UBND xã H - Giấy CNKH số 79/2014);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Vũ Bảo